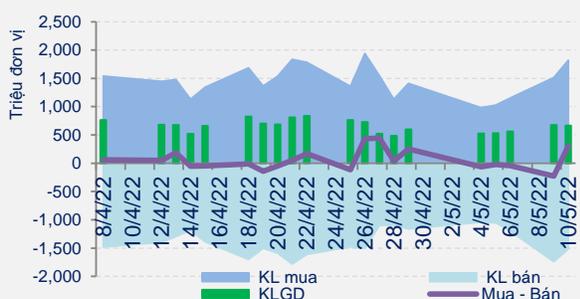
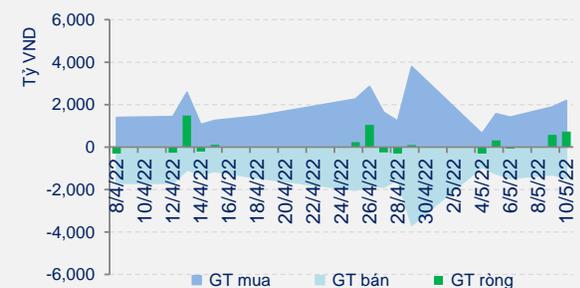


MARKET LENS

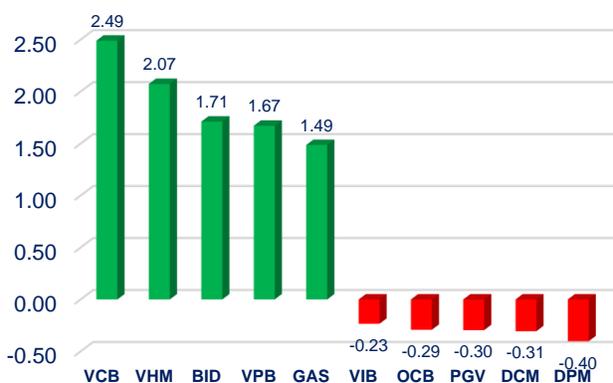
Phiên giao dịch ngày: 10/5/2022

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,293.56	330.02
% Thay đổi	↑ 1.89%	↑ 2.05%
KLGD (CP)	665,476,883	74,537,351
GTGD (tỷ đồng)	17,788.79	1,446.37
Tổng cung (CP)	1,515,763,300	83,853,200
Tổng cầu (CP)	1,821,743,800	111,510,900

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	42,798,012	657,281
KL mua (CP)	63,581,800	828,111
GT mua (tỷ đồng)	2,188.72	18.80
GT bán (tỷ đồng)	1,466.28	22.62
GT ròng (tỷ đồng)	722.43	(3.82)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục trở lại và lấy lại hơn 1/3 số điểm đã mất của phiên trước đó.

Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 23,94 điểm (+1,89%) lên 1.293,56 điểm. Độ rộng là tích cực với 280 mã tăng (23 mã tăng trần), 43 mã tham chiếu, 168 mã giảm (10 mã giảm sàn). HNX-Index tăng 6,63 điểm (+2,05%) lên 330,02 điểm. Độ rộng là tích cực với 166 mã giảm (20 mã tăng trần), 59 mã tham chiếu, 138 mã giảm (11 mã giảm sàn).

Thanh khoản khớp lệnh xấp xỉ so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất một chút với giá trị giao dịch đạt 18.100 tỷ đồng trên hai sàn tương ứng với khối lượng giao dịch là 701 triệu cổ phiếu.

Thị trường giao dịch với sắc đỏ trong phiên giao dịch sáng và nửa đầu phiên chiều cho đến khi lực bắt đáy gia tăng đã giúp các chỉ số lấy lại sắc xanh và kết phiên ở mức cao nhất.

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc rổ VN30 (+2,39%) tăng mạnh hơn so với thị trường chung với 28/30 mã kết phiên trong sắc xanh như TPB (+5,4%), FPT (+4,7%), VPB (+4,7%), HDB (+4,6%), PDR (+4,4%), VJC (+4,1%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng hồi phục để nâng đỡ thị trường, có thể kể đến KLB (+14,8%), SSB (+4,3%), BID (+3,9%), MBB (+3,2%)...

Nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng có sự hồi phục ấn tượng theo đà của thị trường chung với SSI (+3,9%), VND (+1,6%), VCI (+1,7%), HCM (+5,1%), SHS (+6,7%)...

Cổ phiếu dầu khí tích cực nhất phiên hôm nay với nhiều mã tăng trần như PVS (+10%), PVD (+6,7%), PVC (+9,8%)...

Một số cổ phiếu vừa và nhỏ tiếp tục chịu áp lực bán và kết phiên giảm như GEX (-2,8%), DPM (-6,9%), DCM (-6,9%), TTF (-6,9%), HDC (-6,9%)...

Khối ngoại mua ròng mạnh trên HOSE với giá trị ròng ước đạt 723,43 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 20,8 triệu cổ phiếu. Cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất là DGC với 105,9 tỷ đồng, tiếp theo là STB với 69,9 tỷ đồng và HPG với 62,2 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, E1VFN30 là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 37,9 tỷ đồng, tiếp theo là VRE với 32,3 tỷ đồng và VNM với 24,8 tỷ đồng.

Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai VN30 đều thấp hơn chỉ số cơ sở VN30 từ 7 đến 14 điểm cho thấy các nhà giao dịch vẫn đang nghiêng về khả năng thị trường có thể giảm trở lại.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 10/5/2022

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index



VN-Index (+1,89%) hồi phục trở lại trong phiên hôm nay với thanh khoản khấp lênh xấp xỉ so với phiên giảm mạnh trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất một chút. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là bên bán đã kiểm soát thị trường trong nửa đầu phiên giao dịch nhưng lực cầu gia tăng trong phiên chiều đã giúp thị trường hồi phục trở lại.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là sau khi chỉ số VN-Index đánh mất ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% sóng điều chỉnh 4) thì đã xác nhận VN-Index chuyển sang sóng điều chỉnh a với target theo lý thuyết quanh ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng tăng 5).

Với phiên hồi phục hôm nay (+1,89%) thì VN-Index vẫn chưa thể lấy lại ngưỡng 1.350 điểm nên nhận định trên chưa có gì thay đổi và đà giảm có thể sớm quay trở lại trong các nhịp hồi phục tới.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 11/5, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục để hướng đến mục tiêu tiếp theo của chỉ số là ngưỡng tâm lý 1.300 điểm.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì chỉ số VN-Index có thể sẽ lùi về vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục trở lại trong phiên hôm nay để lấy lại hơn 1/3 số điểm đã mất của phiên trước đó với thanh khoản chỉ xấp xỉ phiên giảm trước đó và vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất. Điều này cho thấy là lực cầu mua lên vẫn chưa thực sự mạnh và sự nghi ngờ của nhà đầu tư đối với thị trường vẫn ở mức cao.

Với phiên hồi phục hôm nay thì thị trường đã xác nhận đáy thứ 2 trong vùng hỗ trợ 1.225-1.250 điểm (đáy tháng 7/2021) và đà hồi phục này có thể duy trì trong phiên tiếp theo khi mà tâm lý các nhà đầu tư trở nên tích cực hơn.

Tuy nhiên, trên góc nhìn về mặt kỹ thuật thì bức tranh lại chưa có sự cải thiện thực sự với việc chỉ số VN-Index vẫn chưa thể lấy lại ngưỡng 1.350 điểm nên vẫn nằm trong sóng điều chỉnh a với target theo lý thuyết quanh ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng tăng 5) và xu hướng giảm có thể trở lại trong thời gian tới khi các nhịp hồi phục chạm tới giới hạn và lượng hàng bắt đáy về tài khoản nhà đầu tư.

Trong phiên giao dịch tiếp theo 11/5, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục với mục tiêu tiếp theo của chỉ số là ngưỡng tâm lý 1.300 điểm.

Đối với những nhà đầu tư dài hạn, nếu thị trường điều chỉnh sẽ là cơ hội để nâng cao tỷ trọng trong danh mục các cổ phiếu có cơ bản tốt và tiềm năng tăng trưởng trong tương lai. Đối với những nhà đầu tư ngắn hạn hơn có thể tham khảo danh mục cổ phiếu theo dõi của chúng tôi trong bản tin này.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 10/5/2022

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
POW	13.3	12.9-13.3	15.2-16	12	15.6	-7.8%	41.9%	Giải ngân tích lũy 5-10% NAV khi có điều chỉnh, vùng hỗ trợ 13+-
DPR	73	68-70	86-87	67	6.9	1.2%	-4.1%	Giải ngân tích lũy 5-10% NAV khi có điều chỉnh, vùng hỗ trợ 70+-

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
28/04/2022	BSR	20.6	21.4	24-25	20	-3.74%	Vẫn giữ quanh mức dừng lỗ và đang hồi phục. Tiếp tục nắm giữ
28/04/2022	HPG	41.1	42.7	51-53	40	-3.75%	Vẫn giữ quanh mức dừng lỗ và đang hồi phục. Tiếp tục nắm giữ
4/5/2022	VSC	51.4	49.6	58-59	49	3.63%	Vẫn giữ quanh mức dừng lỗ và đang hồi phục. Tiếp tục nắm giữ
4/5/2022	PVS	24.2	24.8	29-30	24	-2.42%	Vẫn giữ quanh mức dừng lỗ và đang hồi phục. Tiếp tục nắm giữ
5/5/2022	FPT	98.4	103.5	115-120	98	-4.93%	Vẫn giữ quanh mức dừng lỗ và đang hồi phục. Tiếp tục nắm giữ
5/5/2022	BWE	49.55	53	62-65	50	-6.51%	Vẫn giữ quanh mức dừng lỗ và đang hồi phục. Tiếp tục nắm giữ
5/5/2022	GMD	55	56	63-65	52	-1.79%	Vẫn giữ quanh mức dừng lỗ và đang hồi phục. Tiếp tục nắm giữ



TIN VÍ MÔ

Xuất khẩu thủy sản tăng gần 44%

Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc là 3 thị trường nhập khẩu thủy sản hàng đầu của Việt Nam. Trong số đó, thị trường có giá trị tăng mạnh nhất là Trung Quốc.

Giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 4 vừa qua ước đạt 1,05 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 4 tháng đầu năm nay đạt 3,57 tỷ USD, tăng 43,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất 4 giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) đề xuất Chính phủ yêu cầu các cơ quan Trung ương và địa phương chưa phân bổ số vốn ngân sách Trung ương (NSTU) còn lại phải có cam kết lộ trình giao kế hoạch cụ thể, rà soát, điều chỉnh ngay cho các dự án đầu tư công chuyển tiếp đủ điều kiện giao vốn.

Bộ Công Thương đề xuất chính sách đặc thù xây dựng ngành thép giai đoạn tới

Bộ Công Thương cho rằng năng lực cạnh tranh ngành thép khá thấp, bởi phần lớn nguyên liệu đầu vào sản xuất đều phải nhập khẩu.

Ngành công nghiệp thép đã có sự phát triển nhanh trong 5 năm trở lại đây nhưng mất cân đối giữa phát triển thượng nguồn và hạ nguồn.

Tổng nhu cầu thị trường các ngành chế tạo của Việt Nam giai đoạn đến 2030 có thể đạt 310 tỷ USD.

Bộ Công Thương cho rằng cần chính sách đặc thù để phát triển ngành thép ổn định và bền vững.

TP HCM thanh tra hơn 10.000 doanh nghiệp nợ bảo hiểm

TP HCM có gần 45.000 doanh nghiệp nợ bảo hiểm xã hội 1-12 tháng với tổng số tiền hơn 4.000 tỷ đồng.

TP HCM là địa phương thu, chi bảo hiểm xã hội lớn nhất nước.

Trình Chính phủ gia hạn 125.000 tỉ đồng tiền thuế và tiền thuê đất năm 2022

Bộ Tài chính tiếp tục đề xuất gia hạn các loại thuế, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong năm 2022 đối với các đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Bộ Tài chính vừa có tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất, thuê mặt nước trong năm 2022.

TIN DOANH NGHIỆP

**Hợp ĐHCĐ Vincom Retail:
Giai đoạn 2022-2026 sẽ mở
rộng thêm 2 triệu m2 mặt sàn**

Công ty đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm nay với doanh thu 8.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 2.400 tỷ đồng, lần lượt tăng 35,8% và 82,5% so với thực hiện năm 2021.
Vincom Retail sẽ không chia cổ tức 2021.

**Gelex điều chỉnh phương án
cổ tức 2021 thành 5% bằng
tiền**

HĐQT trình phương án chia cổ tức năm 2021 tỷ lệ 5% bằng tiền mặt, tương ứng với thanh toán gần 426 tỷ đồng.
HĐQT cũng muốn được cổ đông ủy quyền cho quyết định chi tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền nếu xét thấy phù hợp.

**GAS ước lãi sau thuế 4 tháng
đầu năm đạt 4,544 tỷ đồng**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (HOSE: GAS) vừa công bố kết quả ước thực hiện 4 tháng đầu năm với tổng doanh thu đạt 37,460 tỷ đồng và lãi sau thuế 4,544 tỷ đồng.
Đơn vị cho biết đã cung cấp 2.7 tỷ m3 khí khô, sản xuất và cung cấp 41 ngàn tấn condensate, sản xuất và kinh doanh 760 ngàn tấn LPG (537 ngàn tấn thị trường trong nước; 223 ngàn tấn xuất khẩu và kinh doanh quốc tế).
GAS tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo hướng tập trung hiệu quả và thành lập Công ty Kho cảng LNG Sơn Mỹ.

**PPC đặt mục tiêu lãi sau thuế
2022 tăng 57%**

Theo Tài liệu hợp ĐHCĐ thường niên 2022, CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HOSE: PPC) dự kiến đem về gần 5,428 tỷ đồng doanh thu và 278 tỷ đồng lãi trước thuế trong năm 2022, lần lượt tăng 24% và 57% so với năm trước.

**Cao su Phước Hòa đặt mục
tiêu quý II lãi 220 tỷ đồng, gấp
4,8 lần**

Doanh nghiệp lên kế hoạch doanh thu công ty mẹ tăng 39% và lợi nhuận gấp 4,8 lần cho quý II.
Quý I, Cao su Phước Hòa báo lãi gấp 11,3 lần cùng kỳ năm trước nhờ nhận tiền đền bù hỗ trợ thiệt hại khi bàn giao đất thực hiện dự án VSIP 3.

**Đạt Phương báo lãi ròng quý
I tăng 15% nhờ doanh thu
màng sản xuất điện tăng**

Doanh thu thuần của Đạt Phương là 545,1 tỷ đồng, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm 2021.
Lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ tăng 15,5% lên 112,5 tỷ đồng.

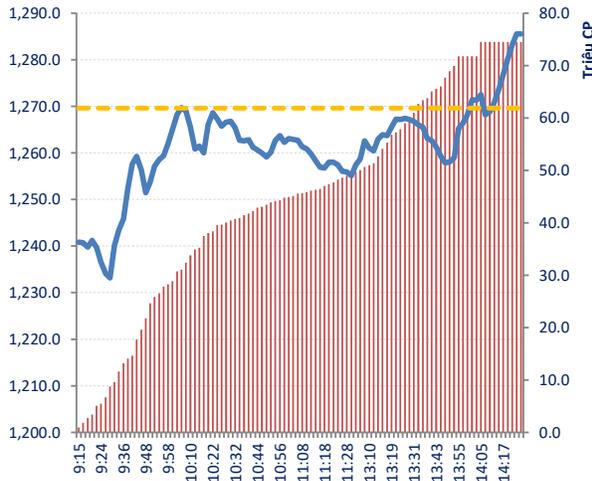
**Thị giá trượt dốc với loạt
lệnh bán lớn, CEO DIC Corp:
"Tôi và Chủ tịch liên hệ hàng
ngày với Him Lam, yêu cầu
họ không có động thái làm áp
lực quá đến cổ phiếu DIG"**

"Him Lam cũng xin phép tôi không làm cổ đông lâu dài của DIC Corp nữa, họ sẽ bán hết 52 triệu cổ phiếu trong thời gian sớm nhất. Chúng tôi đang kỳ vọng Him Lam sẽ có lộ trình thoái vốn khác đi. Có thể chúng ta sẽ bàn lại với họ mua lại một phần với giá thỏa thuận để tránh ảnh hưởng trực tiếp đến các cổ đông khác trong ngắn hạn", Chủ tịch DIC Corp chia sẻ.

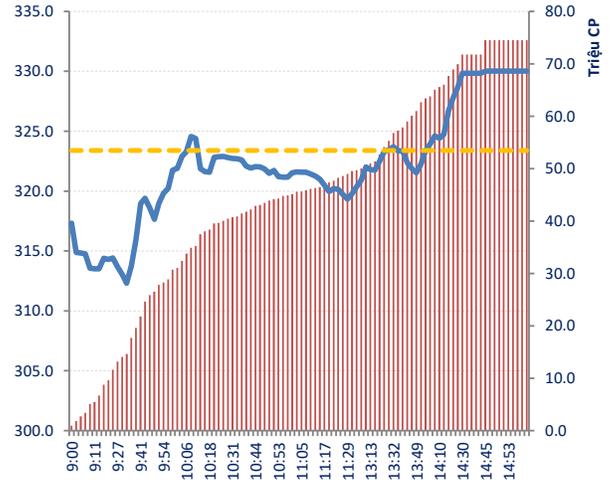


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



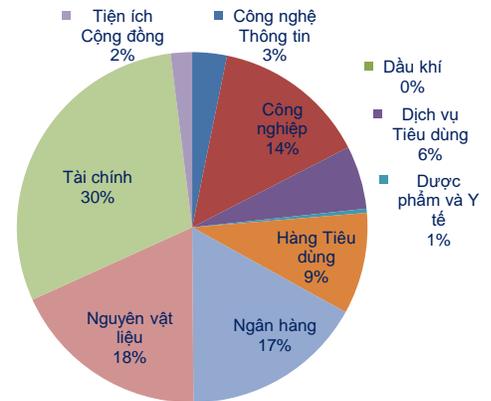
KLGD và HNX-Index trong phiên



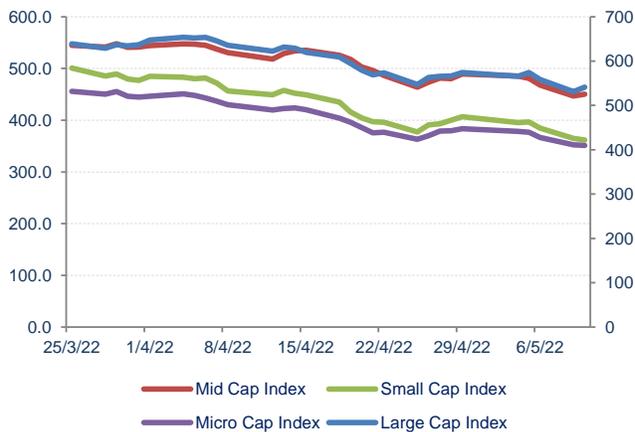
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



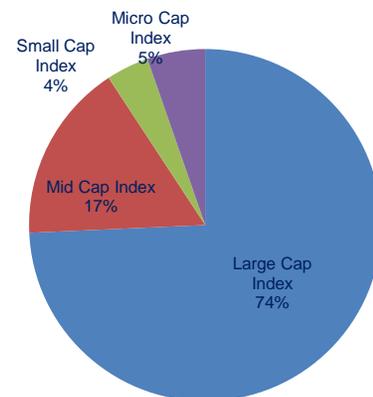
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	3,008,300	E1VFN30	1,715,200	1	PVS	454,973	SHS	222,641
2	HPG	1,562,600	VRE	1,151,200	2	MBG	32,400	VCS	84,556
3	NLG	1,275,300	FUEVFVND	779,300	3	IVS	29,100	THD	61,600
4	CTG	1,128,300	FTM	640,000	4	PVI	19,700	PVG	19,700
5	SHB	912,800	SBT	523,500	5	NDN	10,500	CLH	14,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
GEX	24.70	24.00	↓ -2.83%	22,456,500	PVS	22.00	24.20	↑ 10.00%	10,646,048
HPG	39.95	41.10	↑ 2.88%	19,840,000	KLF	4.00	4.40	↑ 10.00%	6,948,820
STB	23.75	23.90	↑ 0.63%	19,341,700	SHS	15.00	16.00	↑ 6.67%	6,584,471
HDB	23.00	24.05	↑ 4.57%	18,728,700	CEO	30.00	33.00	↑ 10.00%	4,430,546
SHB	14.50	14.70	↑ 1.38%	17,460,600	IDC	47.70	50.10	↑ 5.03%	3,296,008

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CMX	18.60	19.90	1.30	↑ 6.99%	VTH	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
BCG	18.60	19.90	1.30	↑ 6.99%	SEB	52.00	57.20	5.20	↑ 10.00%
ITA	10.75	11.50	0.75	↑ 6.98%	PVS	22.00	24.20	2.20	↑ 10.00%
ANV	45.25	48.40	3.15	↑ 6.96%	HBS	7.00	7.70	0.70	↑ 10.00%
BCM	74.90	80.10	5.20	↑ 6.94%	KLF	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NHA	33.70	31.35	-2.35	↓ -6.97%	DNC	82.90	74.70	-8.20	↓ -9.89%
HUB	31.65	29.45	-2.20	↓ -6.95%	EVS	30.40	27.40	-3.00	↓ -9.87%
TTF	10.65	9.91	-0.74	↓ -6.95%	MAS	44.90	40.50	-4.40	↓ -9.80%
CVT	46.90	43.65	-3.25	↓ -6.93%	VE3	9.30	8.40	-0.90	↓ -9.68%
DPM	59.30	55.20	-4.10	↓ -6.91%	BDB	13.70	12.40	-1.30	↓ -9.49%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	334.76	15.4%	2,143	23.5	3.3
REE	22.19	13.3%	6,900	11.7	1.5
DGW	20.98	45.9%	8,610	13.5	5.2
STB	20.85	11.6%	2,089	11.4	1.3
CTD	14.90	0.0%	(14)	-	0.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-201.35	41.0%	7,985	5.0	1.8
DGC	-110.35	58.0%	20,107	10.7	4.8
VHM	-101.17	31.4%	8,807	7.7	2.2
VIC	-97.16	-1.6%	(624)	-	2.2
FPT	-93.01	22.0%	5,141	18.3	3.7

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	2.24	12.1%	1,346	16.1	1.3
SKG	1.74	-4.3%	(558)	-	1.2
VCI	1.46	18.0%	2,081	16.6	1.6
NSC	1.14	17.7%	12,652	7.3	1.2
NKG	1.04	44.3%	11,167	2.9	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-4.12	29.4%	4,894	14.3	4.2
DGW	-4.08	45.9%	8,610	13.5	5.2
DXG	-3.97	6.7%	1,502	20.2	1.3
GEX	-2.73	5.5%	1,364	18.1	1.0
HPG	-1.62	41.0%	7,985	5.0	1.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	137.47	41.0%	7,985	5.0	1.8
FPT	93.11	22.0%	5,141	18.3	3.7
MBB	76.06	22.4%	3,623	7.2	1.5
E1VFN30	69.91	N/A	N/A	N/A	N/A
VIC	69.88	-1.6%	(624)	-	2.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-354.43	15.4%	2,143	23.5	3.3
STB	-90.77	11.6%	2,089	11.4	1.3
BCM	-38.90	7.4%	1,199	62.5	4.4
REE	-12.61	13.3%	6,900	11.7	1.5
VIB	-6.61	29.0%	4,370	8.9	2.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	105.90	58.0%	20,107	10.7	4.8
STB	69.54	11.6%	2,089	11.4	1.3
HPG	65.50	41.0%	7,985	5.0	1.8
NLG	59.16	5.7%	1,979	23.3	1.4
BCM	56.39	7.4%	1,199	62.5	4.4

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
E1VFN30	-37.27	N/A	N/A	N/A	N/A
VRE	-31.56	3.0%	401	70.3	2.1
VNM	-20.68	29.4%	4,894	14.3	4.2
FUEVFND	-19.26	N/A	N/A	N/A	N/A
CTD	-17.01	0.0%	(14)	-	0.4



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	22,456,500	5.5%	1,364	18.1	1.0
HPG	19,840,000	3250.0%	7,985	5.0	1.8
STB	19,341,700	11.6%	2,089	11.4	1.3
HDB	18,728,700	21.3%	3,213	7.2	1.4
SHB	17,460,600	19.4%	2,666	5.4	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	10,646,048	5.3%	1,409	15.6	0.8
KLF	6,948,820	0.4%	37	107.9	0.4
SHS	6,584,471	25.5%	2,467	6.1	0.9
CEO	4,430,546	4.3%	571	52.6	2.2
IDC	3,296,008	13.2%	2,183	21.8	2.7

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CMX	↑ 7.0%	7.3%	1,238	15.0	1.3
BCG	↑ 7.0%	9.7%	2,434	7.6	0.8
ITA	↑ 7.0%	2.3%	267	40.2	0.9
ANV	↑ 7.0%	11.2%	2,129	21.2	2.3
BCM	↑ 6.9%	7.4%	1,199	62.5	4.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VTH	↑ 10.0%	5.3%	854	11.7	0.6
SEB	↑ 10.0%	27.9%	4,909	10.6	2.7
PVS	↑ 10.0%	5.3%	1,409	15.6	0.8
HBS	↑ 10.0%	2.1%	243	28.8	0.6
KLF	↑ 10.0%	0.4%	37	107.9	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	3,008,300	11.6%	2,089	11.4	1.3
HPG	1,562,600	41.0%	7,985	5.0	1.8
NLG	1,275,300	5.7%	1,979	23.3	1.4
CTG	1,128,300	12.9%	2,558	9.8	1.2
SHB	912,800	19.4%	2,666	5.4	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	454,973	5.3%	1,409	15.6	0.8
MBG	32,400	13.2%	1,447	6.3	0.8
IVS	29,100	5.3%	527	16.7	0.8
PVI	19,700	11.4%	3,856	12.7	1.4
NDN	10,500	21.4%	2,945	4.7	1.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	368,663	20.8%	4,853	16.1	3.1
VIC	301,682	-1.6%	(624)	-	2.2
VHM	296,097	31.4%	8,807	7.7	2.2
GAS	200,773	19.6%	5,262	19.9	3.6
HPG	178,693	41.0%	7,985	5.0	1.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	34,475	12.4%	2,155	45.7	5.3
KSF	32,250	9.0%	1,373	78.3	5.1
NVB	21,214	0.0%	0	101,273.4	3.7
IDC	14,310	13.2%	2,183	21.8	2.7
BAB	14,234	8.2%	981	19.3	1.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
CII	3.74	-4.1%	(1,382)	-	0.6
LDG	3.62	4.5%	596	20.1	0.9
TGG	3.55	27.5%	3,339	3.2	0.7
PTL	3.49	4.2%	300	23.0	1.1
SAM	3.47	3.3%	411	27.2	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.00	7.0%	347	17.0	1.2
CEO	2.70	4.3%	571	52.6	2.2
BII	2.63	3.1%	345	17.1	0.5
PDC	2.52	-7.2%	(633)	-	0.9
ART	2.49	3.0%	350	15.7	0.5



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
